TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LONG BIÊN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** **----------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **---------- **

Bản án số: **471/**2020/HNGĐ-ST
Ngày: 27/8/2020
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Phương

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Thành

2. Bà Trần Thị Lân

Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 27/8/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 87/2020/TLST- HNGĐ ngày 02/3/2020 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 17/7/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 39/2020/QĐ – HPT ngày 11/8/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1973; HKTT, trú tại: Số X, phường Y, quận Z, thành phố Hà Nội (nay là Số X, phường Y, quận Z, thành phố Hà Nội). (Có mặt)

- Bị đơn: Chị Hoàng Thị B, sinh năm 1982, HKTT, trú tại: Số X, phường Y, quận Z, thành phố Hà Nội (nay là Số X, phường Y, quận Z, thành phố Hà Nội). (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – anh Nguyễn Ngọc S trình bày:

- Về tình cảm: Anh và chị Hoàng Thị B kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 01/12/2006 tại UBND xã Lạng Phong, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh B.

Quá trình chung sống đến khoảng năm 2015, anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do chị B nghỉ làm ở công ty, đi làm ăn, mở cửa hàng ở phố cổ nên có nhiều mối quan hệ không lành mạnh ngoài xã hội, không quan tâm đến gia đình, chồng con. Bản thân anh phải một mình chăm con và lo việc nhà. Anh cũng đã nhiều lần khuyên bảo chị B nhưng không được. Đến năm 2016, vợ chồng sống ly thân, cắt đứt quan hệ sinh lý tình cảm với nhau. Từ tháng 03/2020, chị B đã bỏ đi nơi khác ở, không ở cùng bố con anh nữa. Bản thân chị B cũng xác định không còn tình cảm với anh và cũng đã ký đồng ý vào đơn ly hôn do anh viết. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn và để có thể ổn định cuộc sống, nuôi dạy con, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị B.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Thùy L, sinh ngày 30/10/2007. Từ khi chị B bỏ nhà đi, bố con anh sống cùng nhau, anh là người trực tiếp chăm sóc và nuôi con. Ly hôn, anh xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu L vì anh có đủ điều kiện nuôi con, bản thân chị B cũng bỏ bê không quan tâm đến con. Anh không yêu cầu chị B đóng góp nuôi con cho anh. Hiện anh đang làm nhân viên bảo vệ cho một công ty cổ phần, lương 4.500.000 đồng/tháng, ngoài ra còn thêm phụ cấp hàng tháng và tiền thưởng theo chính sách của Công ty.

- Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn – chị Hoàng Thị B vắng mặt tại Tòa án, không có tự khai, Tòa án cũng không thể tiến hành lấy lời khai của bị đơn.

Tại phiên toà: Anh S vẫn giữ ý kiến như đã trình bày, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị B. Về con chung: Anh S xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thùy L và không yêu cầu chị B phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và công nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tại phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại các buổi làm việc và tại phiên tòa, không chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Ngọc S và chị Hoàng Thị B kết hôn hợp pháp. Mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu phát sinh từ năm 2015. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2016, từ tháng 3/2020, chị B cũng đã bỏ đi không sống cùng địa chỉ với bố con anh S. Lời khai của anh S phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án tại địa phương nơi vợ chồng anh chị chung sống trước khi chị B bỏ nhà đi. Nay, anh S xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin được ly hôn chị B. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh S và chị B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án xử cho anh S được ly hôn chị B.

Về con chung: Anh S và chị B có 01 con chung là cháu cháu Nguyễn Thùy L, sinh ngày 30/10/2007. Anh S hiện có nhà ở tại địa chỉ Số X, phường Y, quận Z, thành phố Hà Nội chính là địa chỉ anh S và cháu L đang ở. Anh S có công việc và thu nhập ổn định nên đầy đủ điều kiện, khả năng nuôi con. Chị B đã bỏ nhà đi không sống cùng con từ tháng 3/2020 đến nay. Khi chị B bỏ đi thì cháu L vẫn ở cùng anh S và do một mình anh S chăm sóc nuôi dưỡng. Mặt khác, tại Tòa án, cháu L cũng có lời khai thể hiện nguyện vọng của cháu muốn được tiếp tục ở cùng anh S khi bố mẹ ly hôn. Vì vậy, đề nghị Tòa án giao cháu L cho anh S được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Về việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con: Do anh S không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử tạm hoãn việc đóng góp tiền cấp dưỡng cho con đối với chị B cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi hoặc có quyết định khác của pháp luật.

Về tài sản chung, công nợ: Anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị B vắng mặt tại các buổi làm việc nên không có lời khai. Do đó đề nghị đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Sau này nếu anh S và chị B có tranh chấp về tài sản chung, công nợ thì anh chị có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

Về án phí: Anh S phải chịu án phí theo quy định theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại thời điểm anh S nộp đơn khởi kiện tranh chấp ly hôn đối với bị đơn là chị Hoàng Thị B, chị B có hộ khẩu thường trú và cư trú tại địa chỉ: Số X, phường Y, quận Z, thành phố Hà Nội (nay là Số X, phường Y, quận Z, thành phố Hà Nội). Do đó, Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà

Nội thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo lãnh thổ và loại việc quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Kết quả xác minh tại Công an phường Thượng Thanh thể hiện: Chị Hoàng Thị B có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Số X, phường Y, quận Z, thành phố Hà Nội (nay là Số X, phường Y, quận Z, thành phố Hà Nội). Chị B không còn sinh sống tại địa chỉ trên từ tháng 03/2020, vắng mặt tại nơi cư trú, đi đâu thì Công an phường không nắm được do không khai báo. Hội đồng xét xử có cơ sở xác định đơn khởi kiện của anh S đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của chị Hoàng Thị B theo điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chị Hoàng Thị B bỏ đi nơi khác không thông báo cho anh S về địa chỉ mới của chị B được coi là cố tình giấu địa chỉ. Căn cứ khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao, Toà án giải quyết theo quy định chung và niêm yết các văn bản tố tụng đối với chị Hoàng Thị B.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia tố tụng tại phiên tòa đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án để giải quyết; bị đơn phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc vắng mặt của mình.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Ngọc S và chị Hoàng Thị B kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 01/12/2006 tại UBND xã Lạng Phong, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh B. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, chị B đều vắng mặt tại các buổi làm việc nên không có lời khai và Tòa án không tiến hành lấy lời khai của chị B được. Chị B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc vắng mặt của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

Lời khai của anh S trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án tại tại địa phương nơi anh S và chị B cư trú trước khi chị B bỏ nhà đi. Nội dung cung cấp như sau: Quá trình chung sống anh S và chị B có nhiều bất đồng về quan điểm, lối sống, cuộc sống chung không hòa thuận và không có hạnh phúc. Mâu thuẫn giữa anh S và chị B hàng xóm đều biết.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh S và chị B đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc anh S làm đơn xin ly hôn chị B là có căn cứ và phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Hội đồng xét xử xác định: Anh S và chị B có 01 con chung là cháu Nguyễn Thùy L, sinh ngày 30/10/2007. Khi chị B bỏ đi thì cháu L vẫn ở cùng anh S và do một mình anh S chăm sóc nuôi dưỡng. Xét điều kiện, khả năng nuôi con của mỗi bên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Anh S hiện có nhà ở tại địa chỉ Số X, phường Y, quận Z, thành phố Hà Nội chính là địa chỉ anh S và cháu L đang ở. Hiện anh đang làm nhân viên bảo vệ cho một công ty cổ phần, lương 4.500.000 đồng/tháng, ngoài ra còn thêm phụ cấp hàng tháng và tiền thưởng theo chính sách của Công ty. Như vậy, anh S có đầy đủ điều kiện khả năng nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án chị B không đến Tòa án nên cũng không có tài liệu gì chứng minh điều kiện nuôi con của chị B. Mặt khác, tại Tòa án, cháu L cũng có lời khai thể hiện nguyện vọng của cháu muốn được tiếp tục ở cùng anh S khi bố mẹ ly hôn.

Từ phân tích trên, Hội đồng xử xử xét thấy nên giao cháu L cho anh S được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Về việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con: Do anh S không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử tạm hoãn việc đóng góp tiền cấp dưỡng cho con đối với chị B cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi hoặc có quyết định khác của pháp luật.

[4] Về tài sản chung và công nợ: Anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị B vắng mặt tại các buổi làm việc nên không có lời khai. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Sau này, nếu anh S và chị B có tranh chấp về tài sản chung, công nợ thì anh chị có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Anh S phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Nguyễn Ngọc S và chị Hoàng Thị B và xử như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Ngọc S được ly hôn chị Hoàng Thị B.

2. Về con chung: Xử như sau:

2.1. Xác định anh Nguyễn Ngọc S và chị Hoàng Thị B có 01 con chung là: Cháu Nguyễn Thùy L, sinh ngày 30/10/2007.

2.2. Giao cháu Nguyễn Thùy L cho anh Nguyễn Ngọc S được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con đối với chị Hoàng Thị B cho đến khi cháu Nguyễn Thùy L đủ 18 tuổi hoặc có quyết định khác của pháp luật.

2.3. Chị Hoàng Thị B được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Toà án không giải quyết.

4. Về công nợ: Toà án không giải quyết.

5. Án phí: Anh Nguyễn Ngọc S phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí anh đã nộp theo biên lai số 16007 ngày 27/2/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, anh Nguyễn Ngọc S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị Hoàng Thị B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật/.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Phương

Nơi nhận:
- *TAND T.p Hà Nội;*
- *VKSND quận Long Biên;*
- *Chi cục THADS quận Long Biên,*
- *UBND phường Lạng Phong; huyện Nho Quan, tỉnh Ninh B (Nơi đăng ký kết hôn ngày 01/12/2006)*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**